

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2017/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và điều hành
Ngân sách địa phương tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số 120/STC-TTr ngày 17 tháng 10 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và điều hành ngân sách địa phương tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 11 năm 2017 và thay thế Quyết định số 52/2007/QĐ-UBND ngày 29/5/2007 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định về quản lý và điều hành ngân sách địa phương và Quyết định số 222/2014/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi một số điều Quy định quản lý và điều hành ngân sách địa phương ban hành kèm theo Quyết định số 52/2007/QĐ-UBND ngày 29/5/2007.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý và điều hành ngân sách địa phương tỉnh Bắc Giang
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND
ngày 13/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý và điều hành ngân sách địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang.
2. Các Sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh (sau đây gọi chung là các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh).
3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Hệ thống ngân sách địa phương tỉnh Bắc Giang

Ngân sách địa phương tỉnh Bắc Giang, bao gồm 3 cấp: ngân sách cấp tỉnh, ngân sách các huyện, thành phố (gọi chung là ngân sách cấp huyện) và ngân sách các xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã).

Thu ngân sách địa phương (ở từng cấp ngân sách) bao gồm: các khoản thu điều tiết từ các nguồn thu trên địa bàn, thu bổ sung cân đối, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên (nếu có) và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Ngân sách địa phương phải đảm nhiệm các khoản chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (sau đây gọi chung là Luật NSNN) và những quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và mối quan hệ giữa các cấp ngân sách

1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp chính quyền địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về ban hành Quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang và Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang trong cùng thời kỳ.

2. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách sau khi dự toán

đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

Trong thời kỳ ổn định ngân sách, các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu ngân sách hàng năm mà ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp theo quy định tại điểm d, khoản 7 Điều 9 Luật NSNN.

3. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên uỷ quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì thực hiện theo khoản 5 Điều 9 Luật NSNN.

4. UBND các cấp chỉ được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các đơn vị do cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 9 Điều 9 Luật NSNN và sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 9 Luật NSNN.

Điều 5. Nguyên tắc cân đối ngân sách địa phương

Ngân sách địa phương hàng năm được cân đối với tổng số chi không vượt quá tổng số thu; trường hợp bội chi thì chỉ ngân sách cấp tỉnh được phép bội chi và phải đáp ứng đủ các quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật NSNN và Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

Bội chi ngân sách cấp tỉnh chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được HĐND tỉnh quyết định.

Điều 6. Dự phòng ngân sách nhà nước và quỹ dự trữ tài chính

Dự toán chi ngân sách địa phương được bố trí khoản dự phòng từ 2% đến 4% tổng chi của ngân sách mỗi cấp. Việc sử dụng dự phòng ngân sách thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Luật NSNN.

UBND tỉnh được lập quỹ dự trữ tài chính từ các nguồn: một phần số tăng thu so với dự toán của ngân sách cấp tỉnh, kết dư ngân sách (50% kết dư ngân sách cấp tỉnh), lãi tiền gửi quỹ dự trữ tài chính, bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của ngân sách cấp tỉnh, và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật, số dư của quỹ dự trữ tài chính không vượt quá 25% dự toán chi ngân sách hàng năm của cấp tương ứng; không bao gồm số chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

Việc sử dụng quỹ dự trữ tài chính được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật NSNN.

Điều 7. Thời gian phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách địa phương

1. Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau; UBND tỉnh quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và ngân sách cấp dưới chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày HĐND tỉnh quyết định dự toán ngân

sách (thời gian HĐND tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau theo quy định của Luật NSNN là trước ngày 10/12 năm trước).

2. Căn cứ Nghị quyết của HĐND cùng cấp, UBND các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và ngân sách cấp dưới chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày HĐND quyết định dự toán ngân sách.

3. Thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách các cấp chính quyền địa phương hàng năm thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 69 Luật NSNN và quy định của HĐND cấp tỉnh.

Điều 8. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước

1. Trường hợp có biến động lớn về ngân sách so với dự toán đã phân bổ cần phải điều chỉnh tổng thể, UBND các cấp lập dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trình HĐND cùng cấp quyết định.

2. UBND trình Thường trực HĐND cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật NSNN.

Chương II LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 9. Hướng dẫn lập dự toán ngân sách nhà nước và thông báo số kiểm tra hàng năm

1. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán NSNN năm sau, Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính; căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế xã hội và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của các ngành và địa phương, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, UBND tỉnh hướng dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố; các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh thông báo và hướng dẫn số kiểm tra cho các đơn vị trực thuộc. UBND các huyện, thành phố hướng dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và UBND các xã, phường, thị trấn.

2. Các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố khi thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc và UBND các xã, phường, thị trấn phải đảm bảo số thu không thấp hơn số kiểm tra do cơ quan có thẩm quyền thông báo về thu NSNN, số chi phải phù hợp với số kiểm tra về tổng mức và cơ cấu.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn về lập dự toán ngân sách nhà nước

1. Cục Thuế tỉnh: Lập dự toán thu ngân sách nhà nước và dự toán kinh phí hoàn thuế giá trị gia tăng thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh theo quy định gửi

Tổng cục Thuế, UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư. Hướng dẫn Chi cục Thuế các huyện, thành phố lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn gửi UBND và Phòng Tài chính- Kế hoạch các huyện, thành phố phải đảm bảo yêu cầu, nội dung, thời gian lập dự toán ngân sách theo quy định của Luật NSNN.

2. Chi Cục Hải quan quản lý các Khu công nghiệp: Lập dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu, các khoản thu khác có liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư: lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) xem xét, tổng hợp dự toán của các đơn vị cấp dưới trực thuộc lập, gửi đơn vị dự toán cấp I.

4. Các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách trực tiếp quản lý, sử dụng; xem xét và tổng hợp dự toán do các đơn vị trực thuộc lập, gửi báo cáo dự toán ngân sách nhà nước, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, chi tiết từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tới cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp. Thời gian gửi báo cáo trước ngày 10/7 năm trước đối với đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh và trước ngày 01/7 năm trước đối với đơn vị dự toán cấp I thuộc huyện, thành phố. Đơn vị dự toán cấp I quy định thời gian lập và gửi báo cáo đối với đơn vị dự toán trực thuộc cho phù hợp.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán chi đầu tư phát triển và phương án phân bổ chi đầu tư xây dựng cơ bản (XDCCB) từ nguồn vốn đầu tư tập trung và các nguồn vốn đầu tư XDCCB khác. Phối hợp với cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia tổng hợp dự toán và phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo UBND tỉnh để trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét trước ngày 20/7 năm trước; chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố, ngành hữu quan kiểm tra, đánh giá hiệu quả của vốn đầu tư các công trình XDCCB trên địa bàn.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thảo luận về dự toán ngân sách hàng năm với các cơ quan, đơn vị cùng cấp. Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh và các cơ quan có liên quan tổ chức thảo luận với UBND các huyện, thành phố để xác định dự toán thu, chi ngân sách, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới. Đối với các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách, Sở Tài chính tổ chức thảo luận với UBND các huyện, thành phố khi UBND các huyện, thành phố đề nghị.

Trong quá trình thảo luận dự toán ngân sách, phương án phân bổ ngân sách, Sở Tài chính có quyền yêu cầu bố trí lại những khoản thu, chi trong dự toán chưa đúng quy định của pháp luật, chưa đúng chế độ, tiêu chuẩn, chưa hợp lý, chưa tiết kiệm,

chưa phù hợp với khả năng của ngân sách địa phương và định hướng phát triển kinh tế- xã hội. Trường hợp còn ý kiến khác nhau giữa Sở Tài chính với các cơ quan, đơn vị cùng cấp và UBND cấp dưới, Sở Tài chính báo cáo UBND cấp tỉnh quyết định.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan cùng cấp tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên phải tổng hợp, lập dự toán chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ.

c) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán chi đầu tư phát triển và phương án phân bổ dự toán chi đầu tư XDCB ngân sách cấp tỉnh.

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp nhằm thực hiện chính sách tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách.

7. UBND các huyện, thành phố

Hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và UBND các xã, phường, thị trấn lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý.

Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách của cấp mình, dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo Thường trực HĐND xem xét trước khi báo cáo cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

8. UBND các xã, phường, thị trấn

Tổ chức chỉ đạo Ban Tài chính xã, phường, thị trấn và các bộ phận trực thuộc lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc cấp mình quản lý, tổng hợp lập dự toán ngân sách cấp xã báo cáo Thường trực HĐND xem xét trước khi báo cáo cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

Điều 11. Thời gian lập và gửi báo cáo

Quyết định dự toán ngân sách mỗi cấp được gửi đến UBND và cơ quan Tài chính cấp trên trực tiếp, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (phần dự toán vốn đầu tư XDCB và vốn chương trình mục tiêu) và các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực (phần dự toán chi theo ngành, lĩnh vực).

UBND tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính quy định thời gian lập, gửi báo cáo xây dựng kế hoạch kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách trong hướng dẫn xây dựng kế hoạch kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách năm sau trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm

Việc lập kế hoạch tài chính 05 năm; kế hoạch tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm của tỉnh; các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh và các huyện, thành phố thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - Ngân sách nhà

nước 03 năm; Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/07/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm và Công văn số 2608/UBND-KT ngày 03/8/2017 của UBND tỉnh hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh Bắc Giang.

Chương III **CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 13. Phân bổ và giao dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I

Sau khi được UBND các cấp giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I tiến hành phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và phải đảm bảo:

1. Đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi được giao.
2. Đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi.
3. Dự toán chi thường xuyên giao cho đơn vị sử dụng ngân sách phải chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi.
4. Việc phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải hoàn thành trước ngày 31/12 năm trước.
5. Đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp, Kho bạc Nhà nước cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch phương án phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh.

6. Trường hợp cần thiết đơn vị dự toán cấp I được điều chỉnh dự toán ngân sách giữa các đơn vị trực thuộc, sau khi thống nhất với cơ quan Tài chính cùng cấp, song không được làm thay đổi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi đã được giao.

Điều 14. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước

1. Các cơ quan nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách phải chấp hành nghiêm chỉnh Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn của Trung ương và địa phương, đề ra những biện pháp cần thiết đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao, thực hiện tăng thu, tiết kiệm chi, chống lãng phí, chống tham nhũng, chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật tài chính.

2. Các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác vào NSNN theo quy định của pháp luật. Chấp hành

nghiêm chỉnh các quy định về kê khai, báo cáo các khoản thu, nộp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ thu của mình.

Toàn bộ các khoản thu của NSNN phải nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Việc ghi thu, ghi chi ngân sách thực hiện theo Luật NSNN.

3. Cơ quan Thuế chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng đề án tăng thu, các biện pháp chống thất thu, kịp thời hướng dẫn và tổ chức thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về lĩnh vực thuế, xây dựng cơ chế, nuôi dưỡng nguồn thu, nghiêm cấm để ngoài ngân sách trái với quy định.

Điều 15. Chi trả, thanh toán các khoản chi của ngân sách nhà nước

Việc chi trả, thanh toán các khoản chi của ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại các điều 17, 18, 19, 20, 21 Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

Điều 16. Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 59 Luật NSNN.

Điều 17. Bổ sung dự toán chi trong năm ngân sách

Mức giao dự toán chi NSNN là mức giao tối đa cho đơn vị được sử dụng trong năm. Chủ tịch UBND tỉnh không xem xét bổ sung kinh phí cho các đơn vị. Trong quá trình thực hiện dự toán, nếu phát sinh nhu cầu chi mới thì đơn vị tự sắp xếp trong phạm vi tổng mức dự toán ngân sách năm được giao.

Trong trường hợp được giao nhiệm vụ mới, đơn vị không thể sắp xếp được trong dự toán được giao, đơn vị có văn bản trình bổ sung kinh phí gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định vào tháng 6 và tháng 11 hàng năm.

Điều 18. Sử dụng nguồn cải cách tiền lương

Hàng năm, trường hợp các huyện, thành phố có nguồn cải cách tiền lương còn dư, sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu cải cách tiền lương trong năm, thì được sử dụng để chi trả thay phần ngân sách tỉnh hỗ trợ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và tỉnh ban hành (giảm tương ứng phần ngân sách tỉnh phải hỗ trợ theo chế độ). Trường hợp sau khi đã sử dụng hết nguồn cải cách tiền lương còn dư để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và tỉnh ban hành, ngân sách các huyện, thành phố vẫn thiếu nguồn, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung phần chênh lệch thiếu cho các địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Điều 19. Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương

1. Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách các cấp ở địa phương thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 10 Luật NSNN.

2. Cơ quan Tài chính các cấp tổng hợp tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình trình UBND cùng cấp báo cáo thường trực HĐND hàng quý và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.

Điều 20. Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh

1. Việc trích lập quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh được thực hiện theo Điều 6 của quy chế này.

2. Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh làm chủ tài khoản và gửi tại Kho bạc Nhà nước, được Kho bạc Nhà nước trả lãi tiền gửi theo mức lãi suất quy định của pháp luật về chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước, khoản lãi này được bổ sung vào quỹ.

3. UBND tỉnh quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính của tỉnh trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

Điều 21. Quản lý quỹ ngân sách nhà nước

Quản lý quỹ ngân sách nhà nước là trách nhiệm của cơ quan Tài chính và Kho bạc Nhà nước các cấp, thực hiện theo quy định của Luật NSNN và Bộ Tài chính.

Kho bạc nhà nước có trách nhiệm báo cáo thường xuyên cho cơ quan Tài chính mức tồn quỹ của ngân sách.

Chương IV

KẾ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 22. Lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước

Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến thu, chi ngân sách thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước theo các nội dung dự toán được giao và theo Mục lục ngân sách nhà nước.

Báo cáo quyết toán gửi cơ quan quản lý nhà nước theo quy định phải có xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch về tổng số và chi tiết, kèm theo bản thuyết minh tình hình thu, chi tài chính của đơn vị mình.

Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách cấp mình, tổng hợp báo cáo quyết toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, quyết toán chi kinh phí uỷ quyền của cấp trên.

Điều 23. Hạch toán kế toán ngân sách nhà nước

Kho bạc Nhà nước các cấp có trách nhiệm hạch toán kế toán ngân sách nhà nước; tổng hợp số liệu thu, chi ngân sách nhà nước, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan theo chế độ quy định.

Kho bạc Nhà nước cấp huyện, ngoài việc hạch toán kế toán thu, chi NSNN trên địa bàn huyện còn phải thực hiện hạch toán kế toán thu, chi ngân sách cấp xã, thị trấn trên địa bàn huyện gửi UBND xã, thị trấn. Riêng đối với thành phố Bắc Giang, Phòng

giao dịch - Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện hạch toán kế toán thu, chi NSNN các xã, phường trên địa bàn thành phố gửi UBND xã, phường theo quy định.

Điều 24. Chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau

Hết thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách, các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, chưa thực hiện hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ, trừ các trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 43, Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

Đối với các trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện theo quy định, cơ quan tài chính làm thủ tục chi chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau, khi thực hiện chi các đơn vị dự toán và ngân sách các cấp hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau.

Điều 25. Thời gian chỉnh lý quyết toán

Thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách kết thúc vào ngày 31 tháng 01 năm sau.

Điều 26. Thời gian gửi báo cáo quyết toán năm

a) Đối với đơn vị dự toán

Sau khi đã duyệt báo cáo quyết toán năm của các đơn vị trực thuộc, đơn vị dự toán cấp I cấp huyện tổng hợp gửi phòng Tài chính - Kế hoạch chậm nhất trước ngày 15/3 năm sau; Đơn vị dự toán cấp I của tỉnh tổng hợp gửi Sở Tài chính chậm nhất trước ngày 15/4 năm sau. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán cấp II, cấp III giao đơn vị dự toán cấp I quy định nhưng phải đảm bảo thời hạn để đơn vị dự toán cấp I gửi báo cáo quyết toán theo quy định trên.

b) Đối với ngân sách các cấp chính quyền địa phương

Sau khi đã thẩm định báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I trực thuộc và ngân sách cấp dưới, báo cáo quyết toán ngân sách năm của cấp dưới gửi cấp trên chậm nhất ngày 15/2 năm sau đối với ngân sách cấp xã; chậm nhất ngày 15/4 năm sau đối với ngân sách cấp huyện, chậm nhất ngày 01/10 năm sau đối với ngân sách cấp tỉnh.

Điều 27. Trình tự xét duyệt và thẩm định quyết toán năm của các đơn vị

1. Trình tự lập, xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

2. Trình tự lập, thẩm định quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học và chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí Ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của quyết toán Ngân sách nhà nước. Nghiêm cấm việc quyết toán chi Ngân sách nhà nước không đúng theo quy định của Luật NSNN.

Điều 28. Trình tự thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của các cấp ngân sách

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã; Thời gian thẩm định chậm nhất ngày 15/3 năm sau.

2. Sở Tài chính thẩm định quyết toán thu NSNN phát sinh trên địa bàn huyện, quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện; thời gian thẩm định chậm nhất ngày 15/6 năm sau.

Điều 29. Xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán năm

Việc xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán năm thực hiện theo quy định tại Điều 66, 67 Luật NSNN.

Điều 30. Xử lý kết dư ngân sách

Quyết toán năm của các cấp ngân sách, nếu có kết dư thì xử lý theo quy định tại Điều 72 Luật NSNN.

Chương V

CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA, KIỂM TOÁN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Xử lý sai phạm trong quá trình xét duyệt, thẩm định, thanh tra, kiểm toán, tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước

Xử lý sai phạm được phát hiện trong quá trình xét duyệt, thẩm định, thanh tra, kiểm toán, tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 27 Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

Điều 32. Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán công tác kế toán, quyết toán ngân sách

1. Các khoản chi NSNN phải được kiểm tra, kiểm soát trước, trong và sau quá trình cấp phát thanh toán. Chi ngân sách phải có trong dự toán NSNN được giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được ủy quyền quyết định chi. Người ra quyết định chi phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình, nếu chi sai phải bồi hoàn công quỹ và xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán công tác kế toán, quyết toán ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 29 Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định

163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

Chương VI **CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, GIÁM SÁT** **CỦA CỘNG ĐỒNG VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 33. Công khai ngân sách nhà nước

Các cấp ngân sách nhà nước ở địa phương; đơn vị dự toán ngân sách; tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải thực hiện công khai ngân sách.

Nội dung, thời điểm, hình thức và mẫu biểu công khai ngân sách của các đối tượng phải công khai thực hiện theo các quy định tại các điều 47, 48, 49, 51 Luật NSNN và các Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 34. Giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng

Ngân sách địa phương tỉnh Bắc Giang được giám sát bởi cộng đồng.

Nội dung giám sát thực hiện theo các quy định tại điểm a, b và c khoản 1, Điều 16 Luật Ngân sách nhà nước.

Hình thức giám sát thực hiện theo khoản 4 Điều 52 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương VII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 35. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

Các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung của quy chế này.

Điều 36. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để nghiên cứu, giải quyết theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hà